CTY CỔ PHẦN THƯƠNG MẠI HÓC MÔN
53/1D Lý thường Kiệt, Thị Trấn Hóc Môn, TP.HCM
---oOo---

MẪU SỐ B 03 - DN
Ban hành theo QĐ số 15/2006/QĐ-BTC ngày 20/03/2006 của Bộ trưởng BTC

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ HỢP NHẤT

(Theo phương pháp trực tiếp)

QUÝ II - NĂM 2012

Đơn vị tính : đồng Việt Nam

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Kỳ này		Lũy kế từ đầu năm đến quý này	
			Quý II/2012	Quý II/2011	Năm 2012	Năm 2011
1	2	3	4			5
I. Lưu chuyển tiền từ hoạt động kinh doanh						
1. Tiền thu từ bán hàng, cung cấp dịch vụ và doanh thu khác	01		206.430.764.736	243.004.912.208	411.902.144.721	450.360.238.557
2. Tiền chi trả cho người cung cấp hàng hóa và dịch vụ	02		(189.421.956.125)	(235.617.649.182)	(383.640.157.724)	(444.410.186.019)
3. Tiền chi trả cho người lao động	03		(9.173.131.523)	(9.397.307.042)	(22.112.096.344)	(24.175.929.816)
4. Tiền chi trả lãi vay	04		(17.083.333)	0	(44.994.444)	(149.286.000)
5. Tiền chi nộp thuế thu nhập doanh nghiệp	05		(1.743.654.421)	(1.465.760.664)	(5.327.934.828)	(3.792.893.943)
6. Tiền thu khác từ hoạt động kinh doanh	06		8.154.991.335	11.084.013.892	15.433.235.259	17.365.064.662
7. Tiền chi khác cho hoạt động kinh doanh	07		(8.898.954.170)	(4.882.993.453)	(17.150.622.424)	(9.922.245.944)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh	***20***		***5.330.976.499***	***2.725.215.759***	***(940.425.784)***	***(14.725.238.503)***
II. Lưu chuyển tiền từ hoạt động đầu tư						
1. Tiền chi để mua sắm, xây dựng TSCĐ và các tài sản dài hạn khác	21		(10.090.909)	(1.768.203.091)	(10.090.909)	(28.370.097.740)
2. Tiền thu từ thanh lý, nhượng bán tài sản cố định và các tài sản dài hạn khác	22		0	0	0	31.818.182
3. Tiền chi cho vay, mua các công cụ nợ của đơn vị khác	23		(11.200.000.000)	0	(14.200.000.000)	(10.010.054.545)
4. Tiền thu hồi cho vay, bán lại các công cụ nợ của đơn vị khác	24		3.000.000.000	15.000.000.000	3.000.000.000	25.500.000.000
5. Tiền chi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	25		0	0	0	0
6. Tiền thu hồi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	26		0	0	0	0
7. Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia	27		1.152.572.990	1.952.794.787	2.097.821.719	3.995.552.978
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư	***30***		***(7.057.517.919)***	***15.184.591.696***	***(9.112.269.190)***	***(8.852.781.125)***
III. Lưu chuyển tiền từ hoạt động tài chính						
1. Tiền thu từ phát hành cổ phiếu, nhận vốn góp của chủ sở hữu	31		0	0	0	0
2. Tiền chi trả vốn góp cho các chủ sở hữu, mua lại cổ phiếu của doanh nghiệp phát hành	32		0	0	0	0
3. Tiền vay ngắn hạn, dài hạn nhận được	33		3.900.000.000	0	15.900.000.000	0
4. Tiền chi trả nợ gốc vay	34		(3.900.000.000)	0	(15.900.000.000)	0
5. Tiền chi trả nợ thuê tài chính	35		0	0	0	0
6. Cổ tức, lợi nhuận đã trả cho chủ sở hữu	36		(3.183.715.500)	(3.661.092.400)	(5.747.740.500)	(3.661.092.400)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính	***40***		***(3.183.715.500)***	***(3.661.092.400)***	***(5.747.740.500)***	***(3.661.092.400)***
Lưu chuyển tiền thuần trong kỳ (50=20+30+40)	**50**		**(4.910.256.920)**	**14.248.715.055**	**(15.800.435.474)**	**(27.239.112.028)**
Tiền và tương đương tiền đầu kỳ	**60**		**35.718.555.207**	**36.367.819.607**	**46.608.733.761**	**77.855.646.690**
Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái quy đổi ngoại tệ	61					
Tiền và tương đương tiền cuối kỳ	**70**	**VII.34**	**30.808.298.287**	**50.616.534.662**	**30.808.298.287**	**50.616.534.662**

Lập ngày 24 tháng 07 năm 2012

Người lập biểu	Kế toán trưởng	Tổng Giám đốc
Nguyễn Thị Thu Vân	Lê Thị Mộng Điệp	Lê Văn Mỵ